TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:140/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11–7–2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Lê Quốc Thới
- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp TTB, xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp TTB, xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B kết hôn vào ngày 31/8/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả nhau, anh B không chung thủy với vợ. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh Bình có một con chung là Nguyễn Chí V, sinh ngày 08/3/2008, hiện đang sống với chị C.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Vỉnh, không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh B tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn B có địa chỉ cư trú tại ấp TTB, xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Nguyễn Thị C có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị C đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh B hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị C và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh B không chung thủy với vợ, hai người đã có thời gian ly thân kéo dài. Anh B không có ý kiến gì đối với việc chị C xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị C và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh B là phù hợp.

Về nuôi dưỡng con chung: Chị C và anh B có một con chung là Nguyễn Chí V, sinh ngày 08/3/2008, hiện đang sống với chị C. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi cháu V. Xét thấy, anh B không có ý kiến gì về việc chị C yêu cầu nuôi cháu V và tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 11/7/2018 thì cháu V có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu V

cho chị C nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị C xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị C và anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị C và anh B đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị C phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí V, sinh ngày 08/3/2008 cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004315 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn B có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỳ